VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

EVFTA VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Góc nhìn từ cộng đồng doanh nghiệp

Đậu Anh Tuấn

Trưởng Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

NỘI DUNG

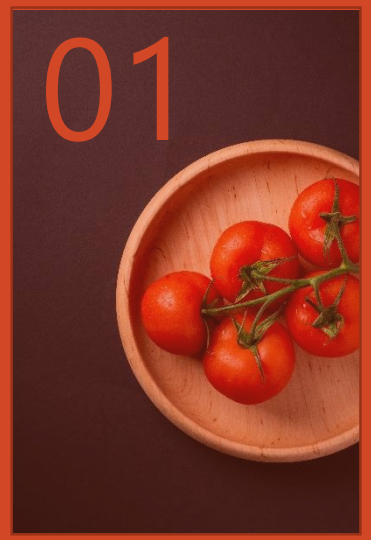

Doanh nghiệp Việt Nam trong ngành nông nghiệp

Thương mại ngành hàng nông nghiệp Việt Nam - EU

Cam kết EVFTA trong nông nghiệp

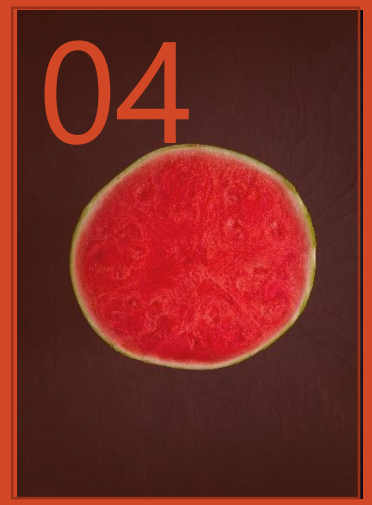

Doanh nghiệp ngành hàng nông nghiệp với EVFTA

Khuyến nghị đến cơ quan Nhà nước

Doanh nghiệp Việt Nam trong ngành nông nghiệp

1. Sự phát triển về số lượng
2. Đặc điểm
3. Một số khó khăn chính

Số lượng doanh nghiệp ngành nông nghiệp đang gia tăng nhanh chóng

9235 Doanh nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp đang hoạt động (2018)

2200 Doanh nghiệp thành lập mới chỉ riêng trong năm 2018

↑ Doanh nghiệp lớn trong nước đang tăng đầu tư cho nông nghiệp

Nguồn: Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn

Doanh nghiệp ngành nông nghiệp phân theo thời gian hoạt động (tỷ lệ %)

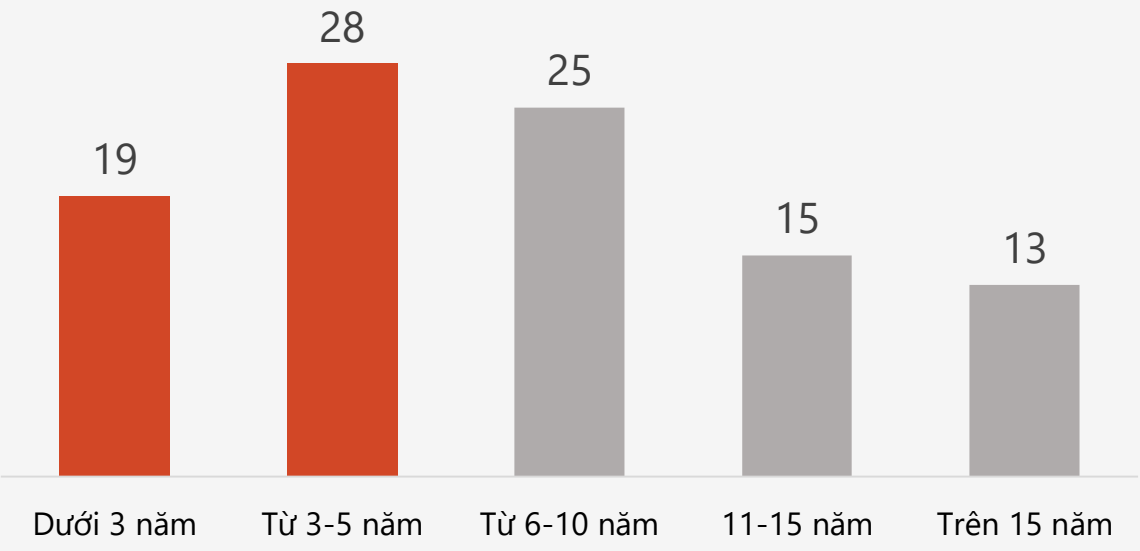

Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Doanh nghiệp ngành nông nghiệp có đặc điểm gì?

Địa bàn hoạt động (% doanh nghiệp)

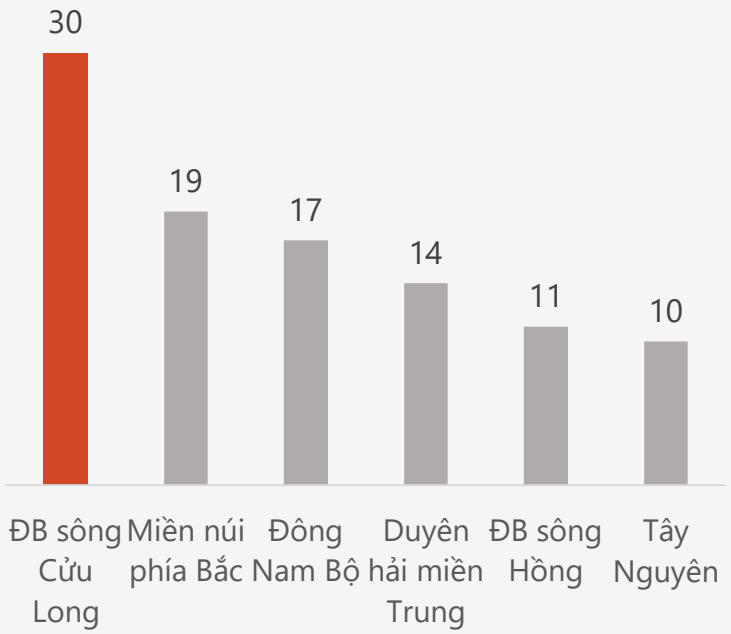

Doanh nghiệp nông nghiệp tập trung đông nhất ở ĐB. sông Cửu Long

Quy mô lao động (% doanh nghiệp)

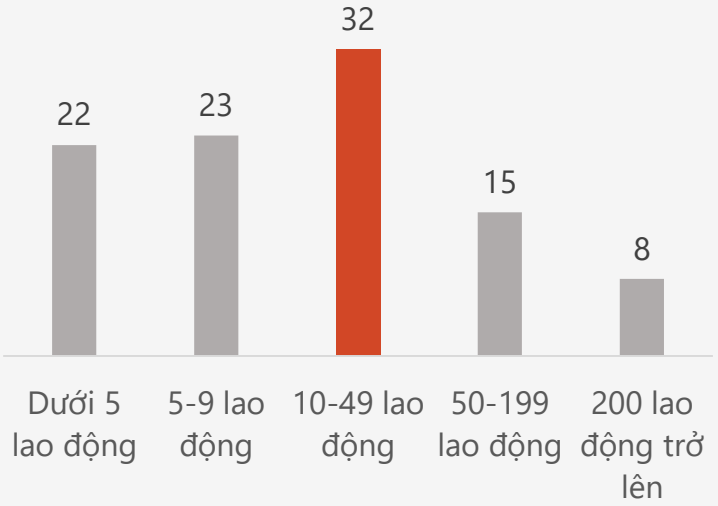

Số đông vẫn là doanh nghiệp nhỏ. Quy mô lao động phổ biến là 10-49 người.

Kế hoạch kinh doanh (% doanh nghiệp)

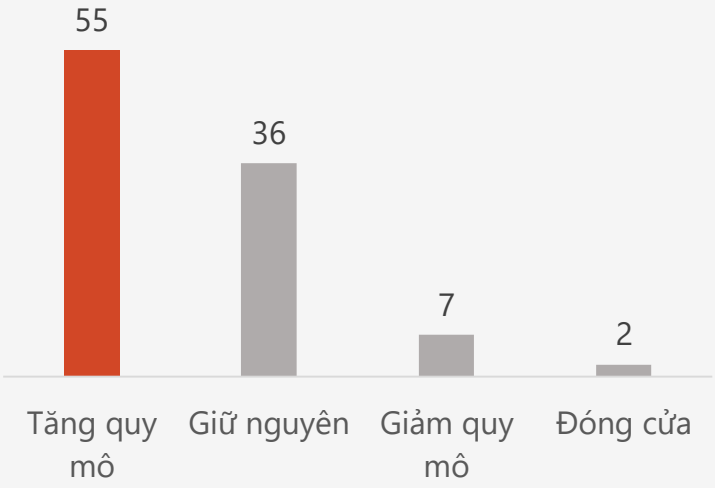

Doanh nghiệp lạc quan về triển vọng kinh doanh trong 2 năm sắp tới

Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2018

Khó khăn của doanh nghiệp nông nghiệp hiện nay

Khó khăn chính của doanh nghiệp

% doanh nghiệp lựa chọn

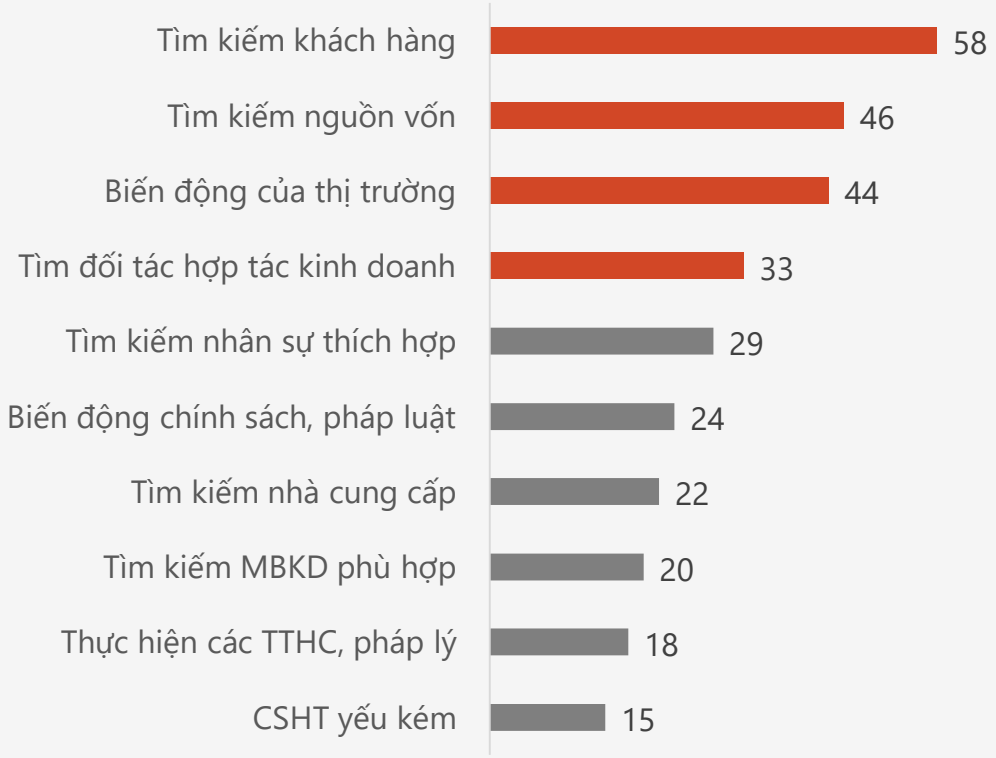

Thủ tục hành chính nào gây phiền hà?

% doanh nghiệp lựa chọn

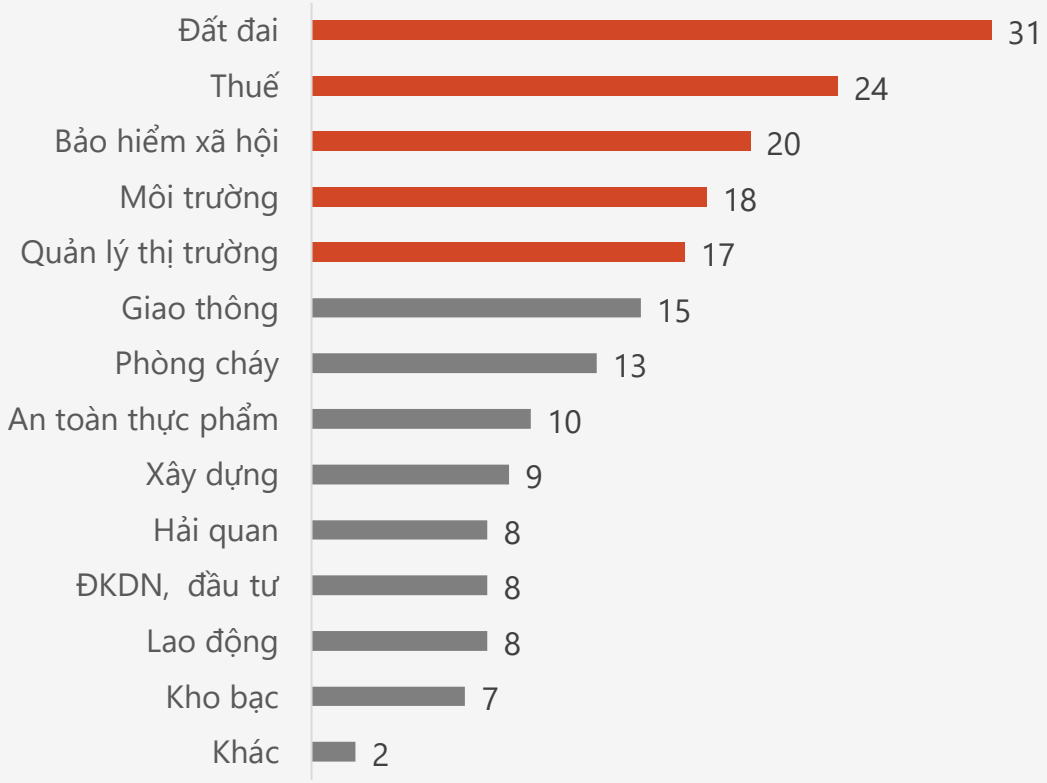

Nguồn: VCCI-USAID, PCI 2018

Thương mại ngành hàng nông nghiệp Việt Nam - EU

1. Tầm quan trọng của thị trường EU với doanh nghiệp xuất khẩu

2. Thương mại nông nghiệp Việt Nam - EU

EU là thị trường xuất khẩu rất quan trọng của doanh nghiệp Việt Nam

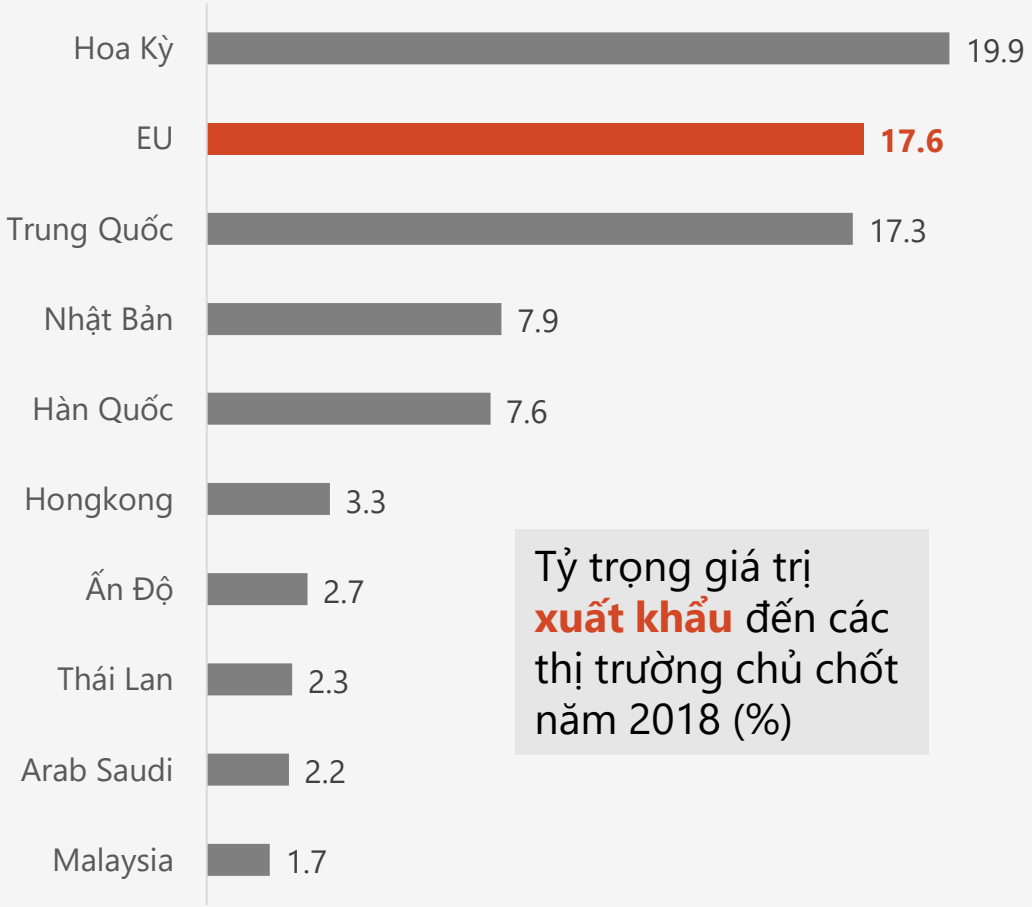

Tỷ trọng giá trị **xuất khẩu** đến các thị trường chủ chốt năm 2018 (%)

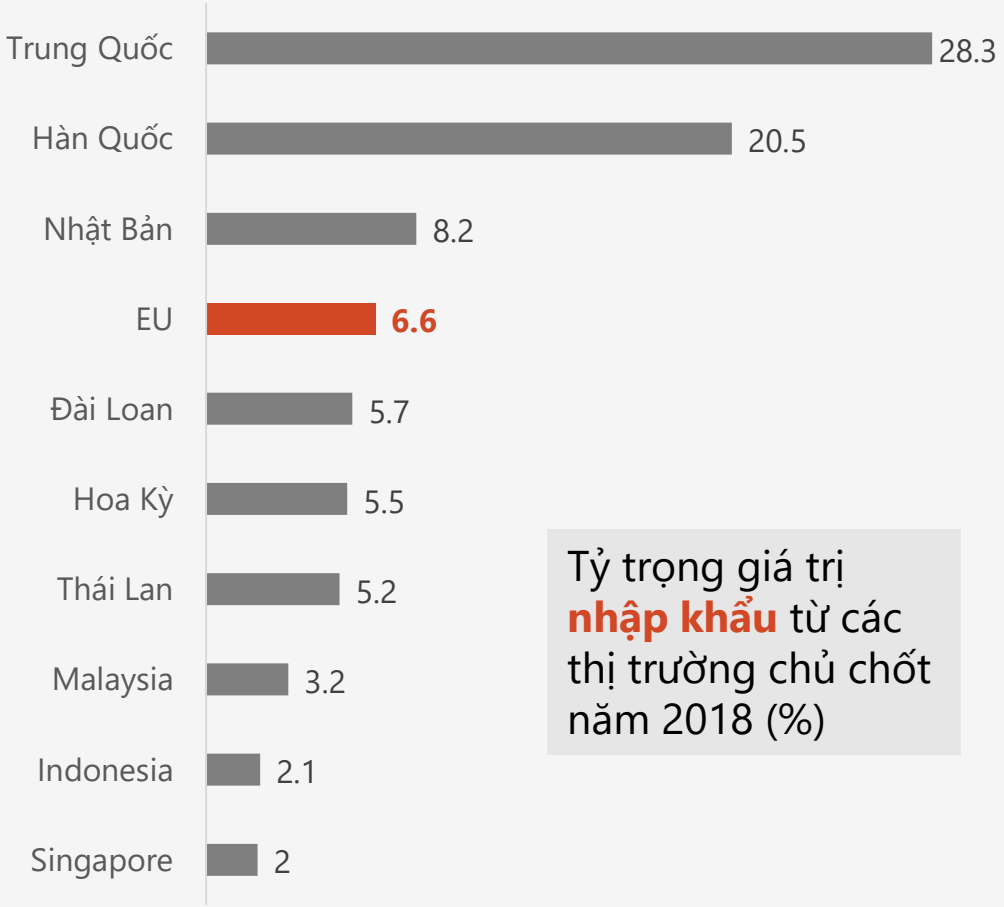

Tỷ trọng giá trị **nhập khẩu** từ các thị trường chủ chốt năm 2018 (%)

Nguồn: European Commission, Tổng cục Hải quan

Thặng dư thương mại của Việt Nam với EU ngày một nới rộng

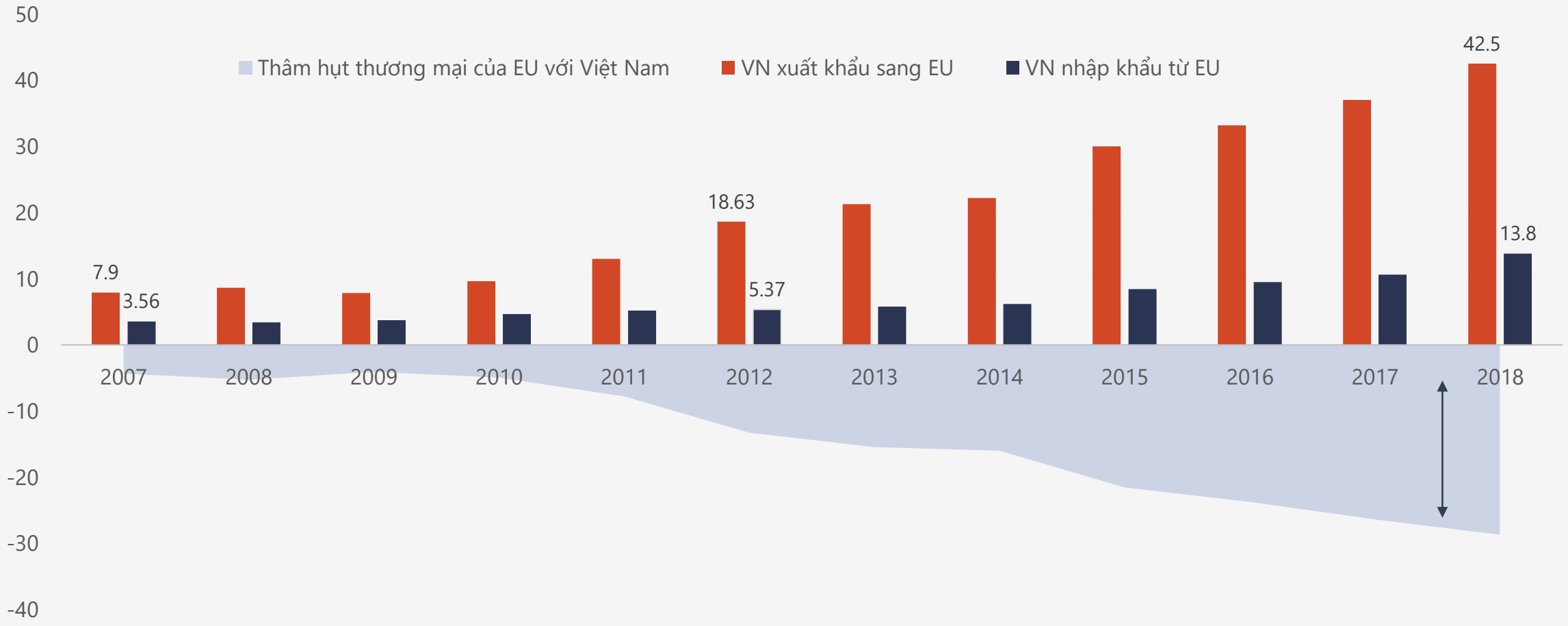

Đơn vị: tỷ USD. Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong nông nghiệp, Việt Nam cũng có thặng dư lớn với EU

Giá trị xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam với thị trường EU năm 2017, phân theo mã HS sections.

Đơn vị: triệu EUR. Nguồn: Eurostat, MADB

	Export to EU	Import from EU
1. Machinery and appliances	19241	2740
2. Footwear, hats and other headgear	4250	2082
3. Textiles and textile articles	3523	1757
4. Vegetable products	**2446**	539
5. Miscellaneous manufactured articles	1483	516
6. Raw hides and skins, and saddlery	998	508
7. Plastic, rubber and articles thereof	994	344
8. Base metals and articles thereof	876	338
9. Live animals and animal products	**777**	334
10. Foodstuffs, beverages and tobbaco	596	312
11. Transport equipment	508	227
12. Optical and photographic instruments etc	480	187
Total	37019	10624

Nông sản xuất khẩu của Việt Nam và EU có tính bổ sung cao

Nông sản chính doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang EU

- Thủy sản
- Hạt điều
- Cà phê
- Rau củ nhiệt đới

Nông sản chính doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ EU

- Trứng, sữa, mật ong
- Rau củ hàn đới
- Thịt bò, gà, lợn

Cam kết EVFTA trong nông nghiệp

1. Tiến trình hình thành
2. Cam kết chính về thuế quan trong nông nghiệp

Tóm tắt tiến trình hình thành EVFTA

2010	2012	2015	6/2018	25/6/2019	30/6/2019
Khởi động đàm phán	Chính thức đàm phán qua nhiều cấp, nhiều vòng	Cơ bản kết thúc đàm phán, chuyển qua rà soát pháp lý	Tách riêng EVFTA thành hai hiệp định gồm Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (EVIPA)	Hội đồng châu Âu phê duyệt cho phép ký các Hiệp định	EVFTA và EVIPA chính thức được ký kết

Hàng hóa Việt Nam được gỡ bỏ 99,2% số dòng thuế sau 7 năm

Số dòng thuế được gỡ bỏ cho hàng xuất khẩu của **Việt Nam**

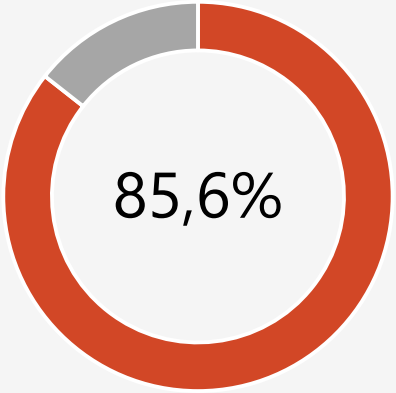

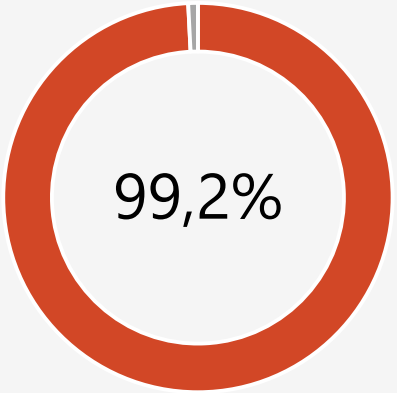

Ngay khi EVFTA có hiệu lực

Sau 7 năm

Sau 10 năm

Số dòng thuế được gỡ bỏ cho hàng xuất khẩu của **EU**

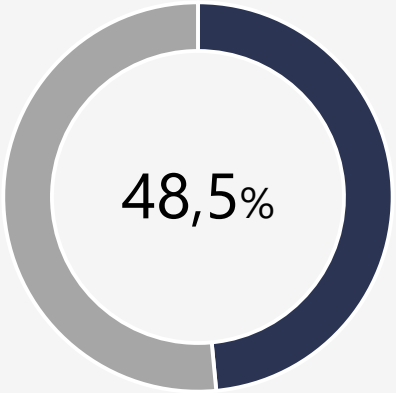

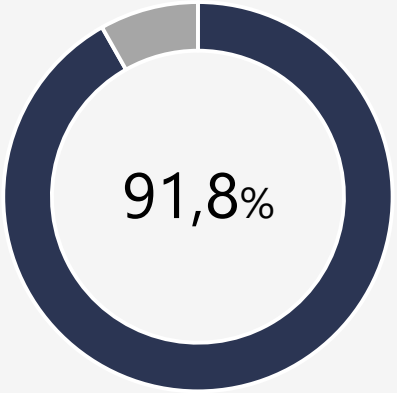

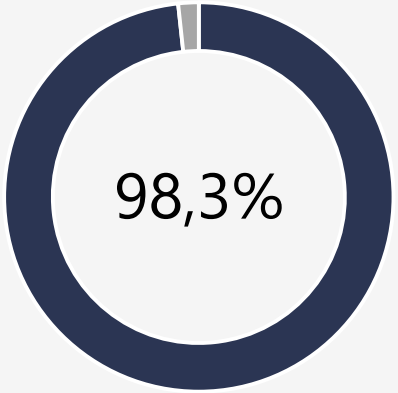

Thuế suất giảm mạnh với hàng hóa nông nghiệp xuất nhập khẩu

Số dòng thuế áp dụng với một số nhóm hàng nông nghiệp **Việt Nam**

Đơn vị: % số lượng dòng thuế còn lại so với trước ký kết EVFTA

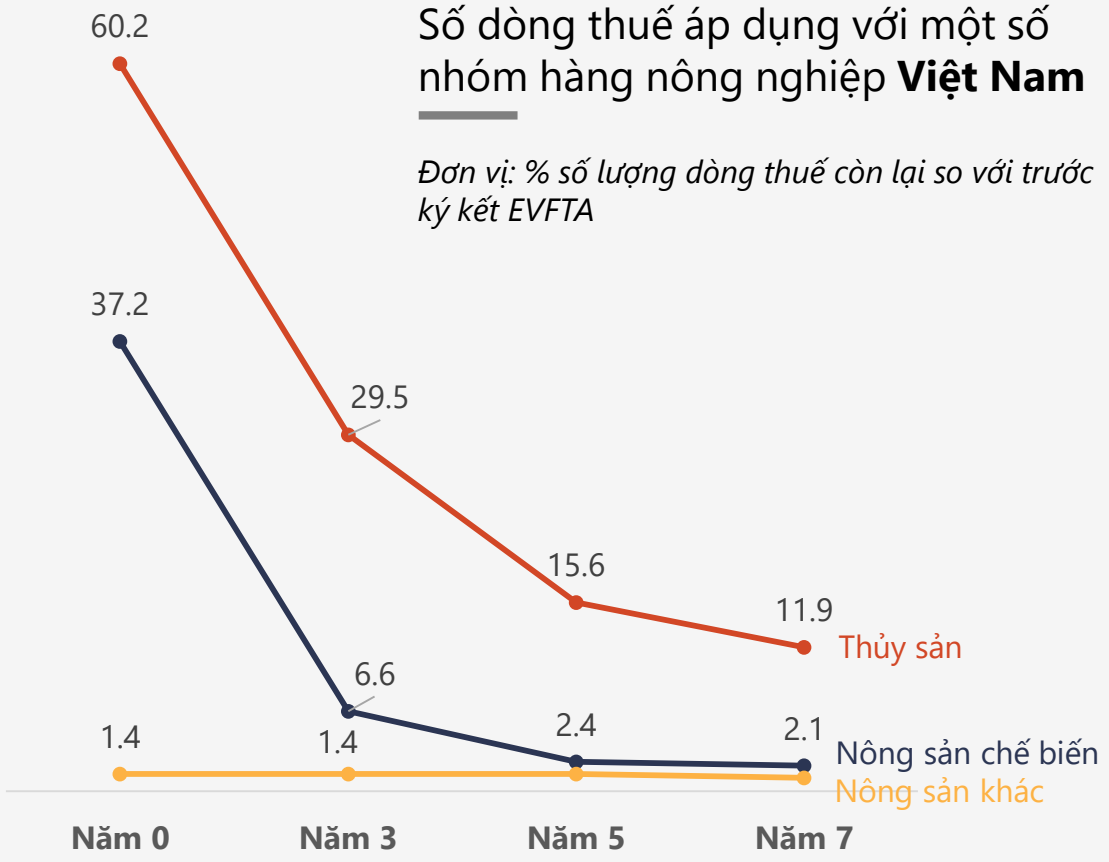

Số dòng thuế áp dụng với một số nhóm hàng nông nghiệp **EU**

Đơn vị: % số lượng dòng thuế còn lại so với trước ký kết EVFTA

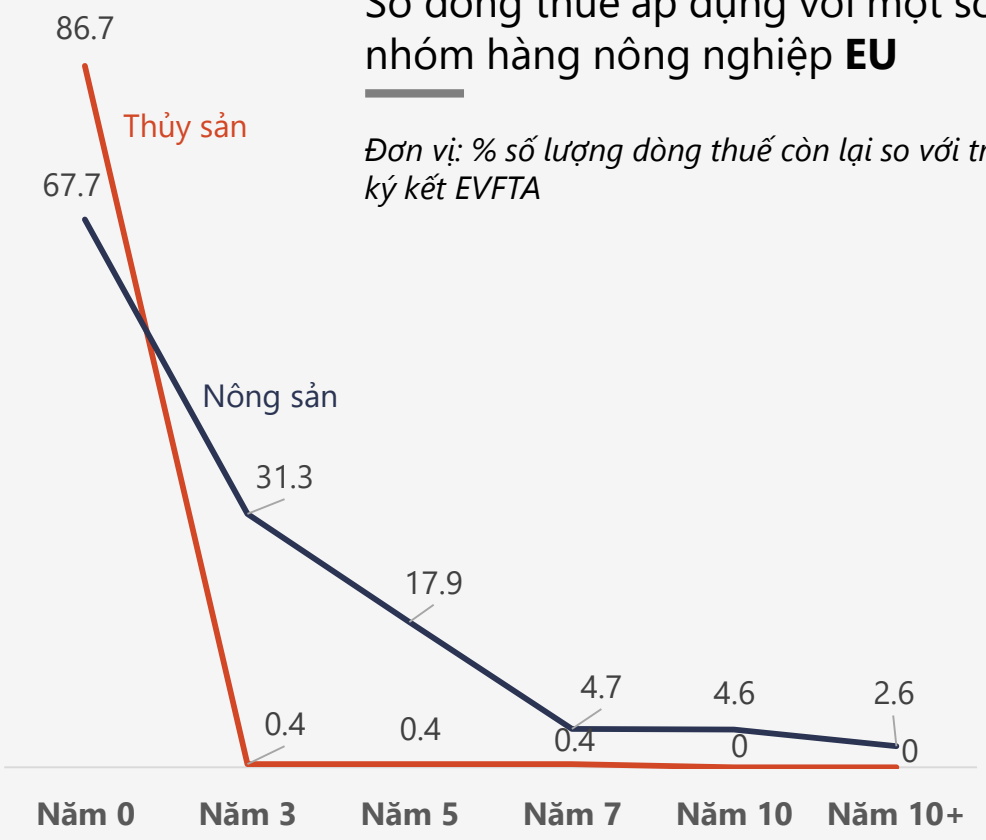

Nguồn: European Commission

Doanh nghiệp ngành nông nghiệp với EVFTA

1. Điểm mạnh
2. Điểm yếu
3. Cơ hội
4. Thách thức

Điểm mạnh

Điều kiện thiên nhiên, khí hậu thuận lợi cho canh tác, phát triển nông nghiệp dẫn đến nguồn cung sản phẩm dồi dào cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Một số ngành hàng như thủy sản, cà phê, rau quả đã hình thành các chuỗi giá trị khá đồng bộ phục vụ cho sản xuất, chế biến và xuất khẩu.

Doanh nghiệp Việt Nam nhanh nhạy với xu hướng thị trường; người lao động Việt Nam cần mẫn, chăm chỉ và có kỹ năng tốt trong sản xuất nông nghiệp.

Điểm yếu (1): Không có nhiều doanh nghiệp hiểu rõ về EVFTA

Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp dân doanh Việt Nam về một số hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên

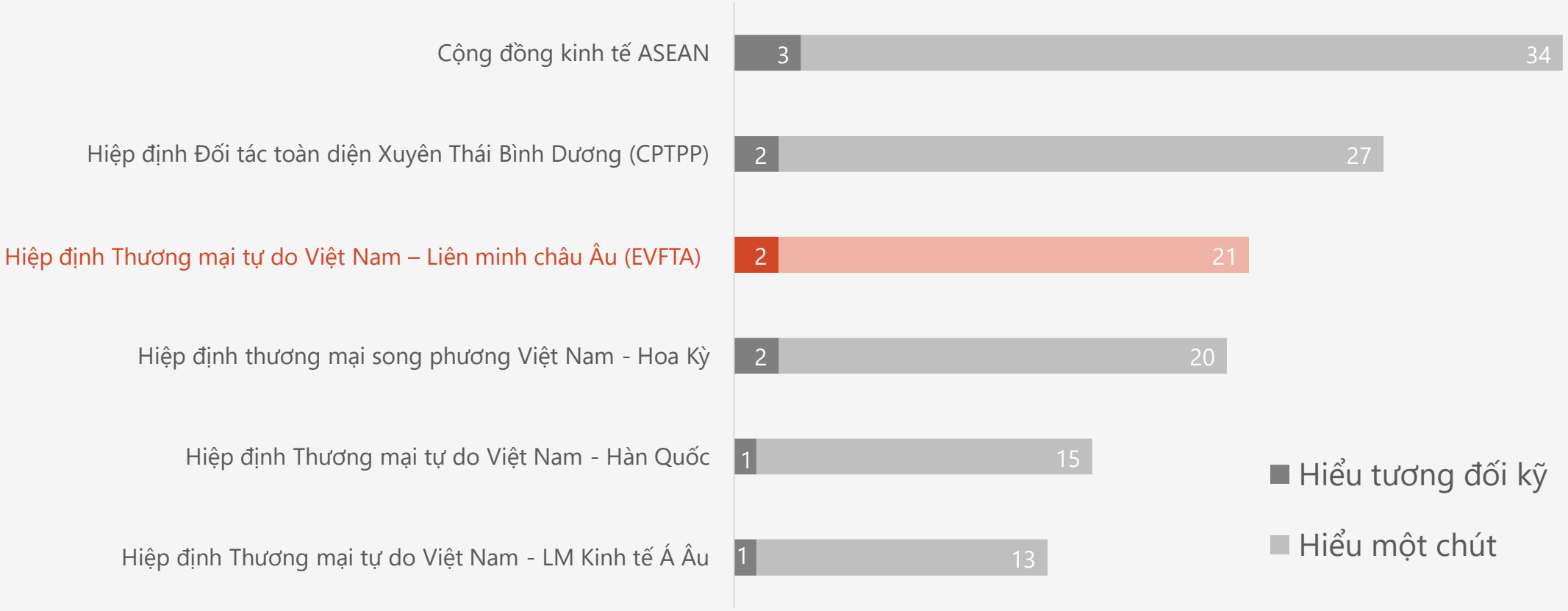

Nguồn: VCCI-USAID, PCI 2018

Điểm yếu (2): Khả năng thay đổi để thích ứng với EVFTA khá hạn chế

Mức độ dễ dàng trong việc thực hiện các biện pháp chuẩn bị cho bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu ngày một gia tăng (DN cả nước)

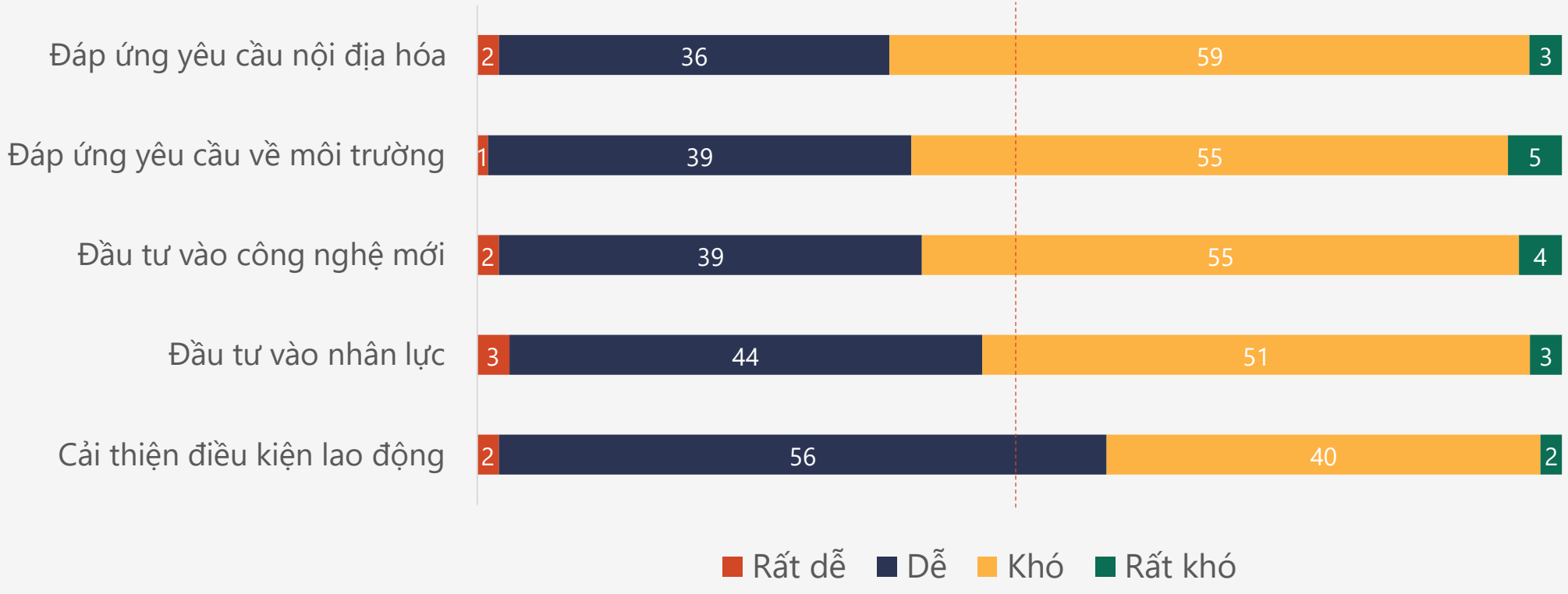

Nguồn: VCCI-USAID, PCI 2018

Cơ hội: Chi phí của doanh nghiệp có tính cạnh tranh hơn

1. Giá cả nông sản Việt Nam ở thị trường EU sẽ cạnh tranh hơn các đối thủ chưa có FTA với EU như Ấn Độ, Thái Lan…
2. Nhập khẩu máy móc, thiết bị từ EU phục vụ sản xuất nông nghiệp với giá cả hợp lý hơn trước
3. Thủ tục chứng nhận xuất xứ, thủ tục hải quan thuận lợi hơn
4. Thủ tục khiếu nại, xử lý TBT, SPS nhanh hơn và minh bạch hơn
5. Có thêm nhiều dịch vụ mới cung cấp bởi đối tác EU phục vụ cho sản xuất nông nghiệp: tài chính, bảo hiểm nông nghiệp
6. Môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp tốt hơn nhờ việc cơ quan Nhà nước thực thi theo các cam kết cải cách, tăng tính minh bạch.

Thách thức (1): Hàng loạt thách thức về hàng rào phi thuế quan

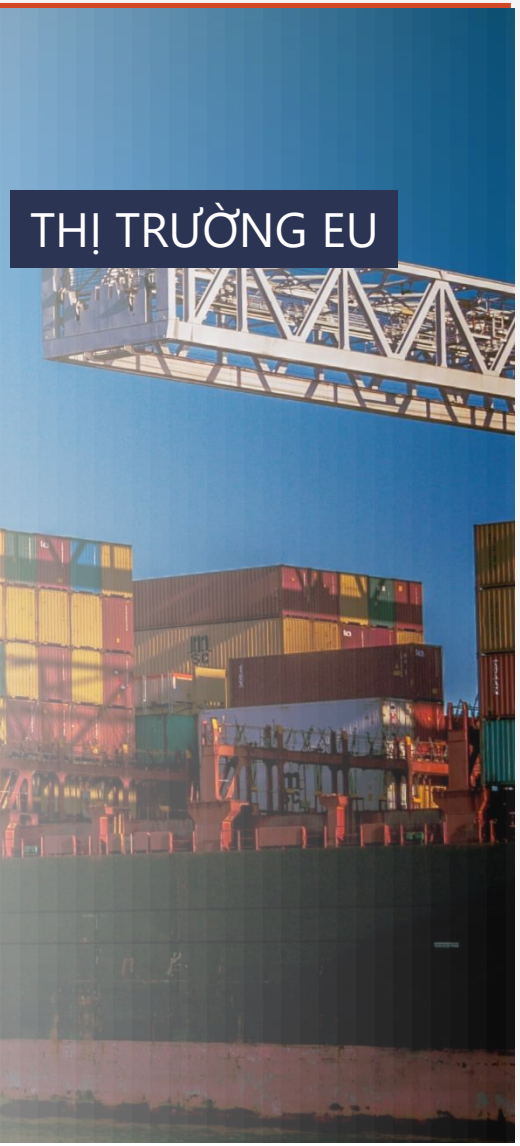

1. Quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế có thể không dễ đáp ứng (với nông sản nhập khẩu nguyên liệu về chế biến).
2. Cam kết FTA không liên quan tới "Giấy phép/VISA nhập khẩu" cho từng loại hàng hóa
3. Cam kết FTA không giúp gỡ bỏ hay giảm bớt các TBT, SPS
4. Sức cạnh tranh của các sản phẩm ở các khía cạnh phi cam kết chất lượng, mẫu mã, giá cả, tính chuyên nghiệp còn hạn chế
5. Chi phí sản xuất tăng khi phải nỗ lực đáp ứng các tiêu chuẩn rất cao của thị trường EU (ví dụ: Sở hữu trí tuệ)
6. Chi phí tuân thủ tăng, ví dụ như các quy tắc về lao động, môi trường.

Thách thức (2): Doanh nghiệp nội địa trước sức ép cạnh tranh lớn

THỊ TRƯỜNG VN

7 Sức ép cạnh tranh trước nông sản từ EU trên thị trường Việt Nam

8 Các yếu tố mới làm thay đổi thói quen của người tiêu dùng Việt Nam (ví dụ an toàn thực phẩm, mẫu mã…)

Cơ quan Nhà nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp như thế nào?

Khuyến nghị từ góc độ cải cách môi trường kinh doanh

Một số khuyến nghị từ góc độ cải cách môi trường kinh doanh

Cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh và mở rộng quyền tự do kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Cải cách hoàn thiện thể chế, quy định pháp luật theo luật quốc tế và liên quan đến EVFTA.

Bảo vệ quyền sở hữu của doanh nghiệp nông nghiệp với tài sản.

Đào tạo và hỗ trợ để doanh nghiệp chuẩn bị và đối phó kịp thời với các tranh chấp thương mại

Tăng cường liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp thông bảo hộ hợp đồng trong nông nghiệp.

Thường xuyên tổ chức các hội thảo giải quyết vướng mắc cho doanh nghiệp ngành nông nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu.

VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Cảm ơn quý vị đã theo dõi!

dauanhtuan@gmail.com